

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Stone Việt Nam”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp số 0500555916, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây(nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy phép về thay đổi mã số doanh nghiệp, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243 601 860
Fax : 0243 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Chuyển giao công nghệ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí : cầu lông, bóng bàn, bi a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Mua bán sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng;
- Sản xuất, mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y)
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ và đồ gỗ (trừ loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Lưu Công An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Ngọc Đông	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Phương Thúy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Công An	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2016
Ông Ninh Quốc Cường	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2009
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018).

Ông Phạm Anh Tuấn đã ủy quyền cho Ông Lưu Công An – Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 20/04/UQ/STV ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Stone Việt Nam trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Stone Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Stone Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Stone Việt Nam với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Stone Việt Nam và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Stone Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Lưu Công An
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2019

Head Office

02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3. 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3. 736 7879 Fax: 024. 3. 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3. 876 555 Fax: 0258. 3. 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3. 764 995 Fax: 0292. 3. 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0096/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Stone Việt Nam”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Stone Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 09 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2019-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		558.929.111.975	261.122.942.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	906.926.442	4.593.671.928
1. Tiền	111		906.926.442	4.593.671.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.641.859.616	2.528.446.390
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.550.825.735	4.903.756.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	480.174.511	1.445.329.268
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	361.823.905	312.256.687
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.750.964.535)	(4.132.896.473)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		516.727.849.630	237.368.643.139
1. Hàng tồn kho	141	V.6	516.727.849.630	237.368.643.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.152.476.287	16.632.180.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	181.870.640	252.625.150
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.970.605.647	16.198.790.082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	180.765.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.411.682.598	72.367.712.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.968.164.956	29.495.088.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	48.169.873.629	25.982.339.576
Nguyên giá	222		99.954.643.581	63.760.329.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.784.769.952)	(37.777.989.851)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.798.291.327	3.512.748.687
Nguyên giá	228		3.572.286.800	3.572.286.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(773.995.473)	(59.538.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	4.883.841.991
Nguyên giá	231		-	11.149.247.084
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(6.265.405.093)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		791.766.374	11.536.117.556
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	791.766.374	11.536.117.556
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.651.751.268	26.452.664.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	25.651.751.268	26.452.664.495
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		636.340.794.573	333.490.654.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		450.802.309.623	155.875.205.336
I. Nợ ngắn hạn	310		450.638.042.478	155.875.205.336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	403.623.670.459	112.821.524.242
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.387.920	44.099.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	183.134.193	99.459.400
4. Phải trả người lao động	314		5.928.582.287	4.108.885.503
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.000.000	44.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.197.479.198	1.079.117.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	37.000.000.000	37.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	565.788.421	678.119.979
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		164.267.145	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	164.267.145	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		185.538.484.950	177.615.449.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	185.538.484.950	177.615.449.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(176.913.636)	(176.913.636)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.370.459.308	14.886.019.271
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.342.090.717	52.903.385.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.746.237.056	43.933.939.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.595.853.661	8.969.445.893
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.848.561	2.958.072
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		636.340.794.573	333.490.654.578

Người lập biểu



Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng



Cao Hoàng Lan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019



Giám đốc

Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.064.382.713	178.969.706.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.064.382.713	178.969.706.941
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	267.376.719.079	158.708.685.151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.687.663.634	20.261.021.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.495.859	142.418.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.235.743.635	598.374.499
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.232.833.333	598.166.666
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.098.417.676	1.428.094.767
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.651.827.945	8.887.779.546
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.725.170.237	9.489.191.172
12. Thu nhập khác	31	VI.7	46.962.048	57.929.060
13. Chi phí khác	32	VI.8	80.728.641	7.287.502
14. Lợi nhuận khác	40		(33.766.593)	50.641.558
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.691.403.644	9.539.832.730
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.931.392.349	570.428.765
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	164.267.145	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.595.744.150	8.969.403.965
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.595.853.661	8.969.445.893
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(109.511)	(41.928)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	723	1.127
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	723	1.127

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Thị Duyên

Cao Hoàng Lan



Giám đốc

Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.691.403.644	9.539.832.730
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.455.832.368	6.187.362.733
- Các khoản dự phòng	03	(381.931.938)	245.189.988
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.385.769	(480.707)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.039.098)	(141.729.654)
- Chi phí lãi vay	06	2.232.833.333	598.166.666
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.977.484.078	16.428.341.756
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.503.296.853)	(3.023.330.247)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(279.359.206.491)	(120.640.614.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	291.303.111.161	68.863.545.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	871.667.737	838.731.826
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.833.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.686.506.338)	(1.448.683.178)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	331.542.526
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(785.040.000)	(364.023.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.805.379.961	(39.014.489.016)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.989.995.739)	(6.369.431.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	561.210.836
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28.184.855.626)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.039.098	141.729.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.467.956.641)	(33.851.346.341)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	44.755.636.364
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	37.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(10.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.610.000)	(136.753.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.610.000)	71.618.883.364
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.687.186.680)	(1.246.951.993)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	4.593.671.928	5.840.143.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	441.194	480.707
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	906.926.442	4.593.671.928

Người lập biểu

Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng

Cao Hoàng Lan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Giám đốc



Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm cuối năm 2018, Công ty có nhập mua lượng lớn phôi đá để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Do đó giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2018 tăng mạnh so với đầu năm.

6. Cấu trúc Stone Việt Nam

Stone Việt Nam bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Stone Việt Nam

Trong năm, Stone Việt Nam không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long có trụ sở chính tại đường số 8, xã Hiệp Phước, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cắt tạo đá và hoàn thiện đá. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99% (số đầu năm là 99,99%), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Stone Việt Nam có 294 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Stone Việt Nam (số đầu năm là 208 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Stone Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Stone Việt Nam áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Stone Việt Nam thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Stone Việt Nam, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Stone Việt Nam và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Stone Việt Nam và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Stone Việt Nam mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Stone Việt Nam mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Stone Việt Nam thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Ngân hàng Stone Việt Nam thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Stone Việt Nam có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Stone Việt Nam nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Stone Việt Nam và người mua là đơn vị độc lập với Stone Việt Nam, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Stone Việt Nam chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (26 – 41 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Stone Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 11
Máy móc và thiết bị	5 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Stone Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Stone Việt Nam bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà

Số năm

08 - 10

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Stone Việt Nam) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Stone Việt Nam phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Stone Việt Nam, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Stone Việt Nam đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Stone Việt Nam đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Stone Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Stone Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Stone Việt Nam đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Stone Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Stone Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Stone Việt Nam là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Stone Việt Nam được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Stone Việt Nam không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Stone Việt Nam sản xuất ra hoặc do hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó Ban Giám đốc nhận định Stone Việt Nam chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	125.723.016	189.878.157
Tiền gửi ngân hàng	781.203.426	4.403.793.771
Cộng	906.926.442	4.593.671.928

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Stone Việt Nam chỉ có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	83.745.137	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	1.725.889	
Trường Đại học Phenikaa	28.943.145	
Viện Nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa	53.076.103	
Phải thu các khách hàng khác	4.467.080.598	4.903.756.908
Công ty Cổ phần TID	1.396.067.957	1.396.067.957
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	1.178.951.610	1.178.951.610
Công ty TNHH Nội thất Bùi Gia	432.687.780	627.457.396
Các khách hàng khác	1.459.373.251	1.701.279.945
Cộng	4.550.825.735	4.903.756.908

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	3.750.964.535	4.132.896.473
------------------------------------	---------------	---------------

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.132.896.473	3.887.706.485
Trích lập dự phòng bổ sung		245.189.988
Hoàn nhập dự phòng	(381.931.938)	
Số cuối năm	3.750.964.535	4.132.896.473

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>197.635.000</i>	<i>292.200.764</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM-Hà Nội	197.635.000	292.200.764
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>282.539.511</i>	<i>1.153.128.504</i>
Công ty Cổ phần In và Phát triển Quảng cáo Hà Nội		214.579.750
Công ty TNHH Thiết bị nâng Tín Nghĩa	70.950.000	113.850.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Hoàng Triều		505.359.654
Công ty TNHH Máy và Thiết bị Minh Hoàng		168.458.400
Công ty TNHH HK Plastic Việt	95.683.400	28.183.400
Công ty TNHH Công nghiệp 3A	65.450.000	65.450.000
Sanwa Kenma.,Ltd	40.556.111	
Các nhà cung cấp khác	9.900.000	57.247.300
Cộng	480.174.511	1.445.329.268

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>361.823.905</i>		<i>312.256.687</i>	
Tạm ứng	355.852.638		200.387.083	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.971.267		111.869.604	
Cộng	361.823.905		312.256.687	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	494.666.204.311		219.000.103.998	
Công cụ, dụng cụ	1.752.380.738		1.653.559.773	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.734.204.370		12.370.236.590	
Thành phẩm	7.048.476.134		4.088.764.584	
Hàng hóa	526.584.077		255.978.194	
Cộng	516.727.849.630		237.368.643.139	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	24.768.002.382	25.249.664.273
Chi phí sửa chữa lớn	374.847.220	704.038.624
Chi phí công cụ dụng cụ và phần mềm	456.662.399	297.970.974
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.239.267	200.990.624
Cộng	25.651.751.268	26.452.664.495

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	34.055.419.514	24.019.999.728	5.165.576.057	519.334.128		63.760.329.427
Mua trong năm		13.176.030.088	1.762.997.800		458.840.000	15.397.867.888
Đầu tư XD CB hoàn thành	9.647.199.182					9.647.199.182
Bất động sản đầu tư chuyển sang	11.149.247.084					11.149.247.084
Số cuối năm	54.851.865.780	37.196.029.816	6.928.573.857	519.334.128	458.840.000	99.954.643.581
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.225.042	10.180.540.287	1.868.901.512	55.097.673		12.143.764.514
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.961.244.471	15.766.523.155	2.858.473.322	191.748.903		37.777.989.851
Khấu hao trong năm	3.652.720.677	2.877.588.517	734.103.021	99.403.671	105.547.560	7.469.363.446
Chuyển sang bất động sản đầu tư	6.537.416.655					6.537.416.655
Số cuối năm	29.151.381.803	18.644.111.672	3.592.576.343	291.152.574	105.547.560	51.784.769.952
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.094.175.043	8.253.476.573	2.307.102.735	327.585.225		25.982.339.576
Số cuối năm	25.700.483.977	18.551.918.144	3.335.997.514	228.181.554	353.292.440	48.169.873.629
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3.572.286.800	59.538.113	3.512.748.687
Khấu hao trong năm	-	714.457.360	(714.457.360)
Số cuối năm	3.572.286.800	773.995.473	2.798.291.327

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng cho thuê

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.149.247.084	6.265.405.093	4.883.841.991
Khấu hao trong năm		272.011.562	(272.011.562)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.149.247.084)	(6.537.416.655)	(4.611.830.429)
Số cuối năm			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.102.466.184	11.912.231.999	(14.345.287.888)	669.410.295
Xây dựng cơ bản dở dang	8.433.651.372	1.335.903.889	(9.647.199.182)	122.356.079
Cộng	11.536.117.556	13.248.135.888	(23.992.487.070)	791.766.374

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	399.439.891.887	109.991.021.948
Công ty Cổ phần Vicostone	336.850.000.251	81.520.991.436
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	28.959.128.243	15.201.176.849
Công ty Cổ phần Style Stone	33.160.412.915	13.184.534.218
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	431.699.456	65.108.560
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án VPM - Hà Nội	38.651.022	19.210.885
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.183.778.572	2.830.502.294
Các nhà cung cấp khác	4.183.778.572	2.830.502.294
Cộng	403.623.670.459	112.821.524.242

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			868.932.066	(868.932.066)		
Thuế xuất, nhập khẩu			34.643.311	(34.643.311)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		180.765.584	1.931.392.349	(1.686.506.338)	64.120.427	
Thuế thu nhập cá nhân	99.459.400		501.133.848	(481.579.482)	119.013.766	
Các loại thuế khác			91.107.922	(91.107.922)		
Cộng	99.459.400	180.765.584	3.427.209.496	(3.162.769.119)	183.134.193	

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Stone Việt Nam nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Stone Việt Nam kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Stone Việt Nam được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty mẹ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019). Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2008 đến năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017).
- Các khoản thu nhập của Công ty con và thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Stone Việt Nam được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Stone Việt Nam kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.818.166.666	598.166.666
Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Lãi vay phải trả	2.818.166.666	598.166.666
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	379.312.532	480.950.546
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	357.789.500	382.399.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.523.032	98.551.046
Cộng	3.197.479.198	1.079.117.212

Stone Việt Nam không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 11 tháng.

Stone Việt Nam có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Stone Việt Nam không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	530.258.946	448.472.295	(530.178.967)	448.552.274
Quỹ phúc lợi	19.375.569	179.388.918	(126.375.569)	72.388.918
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	128.485.464	44.847.229	(128.485.464)	44.847.229
Cộng	678.119.979	672.708.442	(785.040.000)	565.788.421

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến “khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con”. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	164.267.145	
Số cuối năm	164.267.145	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 15%).		

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209		124.814.690.867
Tăng do đầu tư vào Công ty con					3.000.000	3.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	44.872.500.000					44.872.500.000
Lợi nhuận trong năm trước				8.969.445.893	(41.928)	8.969.403.965
Trích quỹ đầu tư phát triển			1.969.307.613	(1.969.307.613)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(927.281.954)		(927.281.954)
Giảm khác		(116.863.636)				(116.863.636)
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	52.903.385.535	2.958.072	177.615.449.242
Số dư đầu năm nay	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	52.903.385.535	2.958.072	177.615.449.242
Lợi nhuận trong năm nay				8.595.853.661	(109.511)	8.595.744.150
Trích quỹ đầu tư phát triển			484.440.037	(484.440.037)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(672.708.442)		(672.708.442)
Số dư cuối năm nay	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	60.342.090.717	2.848.561	185.538.484.950

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	66.585.890.000	66.585.890.000
Các cổ đông khác	43.414.110.000	43.414.110.000
Cộng	110.000.000.000	110.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30 tháng 3 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 484.440.037
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 44.847.229
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 627.861.213
Cộng	: 1.157.148.479

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	838,40	1.040,44
Euro (EUR)	115,26	221,55
Yên Nhật (JYP)	10.000,00	10.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa vật tư	1.552.157.248	1.652.264.577
Doanh thu bán thành phẩm	291.157.917.879	174.943.087.886
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	3.354.307.586	2.374.354.478
Cộng	296.064.382.713	178.969.706.941

(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	5.303.880.947	4.151.839.280
Doanh thu bán hàng hóa vật tư	1.143.280.147	
Doanh thu bán thành phẩm	3.684.187.330	4.151.839.280
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	476.413.470	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vicostone	289.541.662.905	170.994.172.314
<i>Doanh thu bán hàng hóa vật tư</i>	<i>400.755.365</i>	<i>626.326.707</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>286.488.155.068</i>	<i>170.367.845.607</i>
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	<i>2.368.352.472</i>	
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	<i>284.400.000</i>	
Công ty Cổ phần Style Stone	71.685.114	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>12.804.689</i>	
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	<i>58.880.425</i>	
Trường Đại học Phenikaa	26.311.950	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>26.311.950</i>	
Viện nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa	48.251.003	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>48.251.003</i>	
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán thành phẩm	265.761.012.629	156.246.188.733
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	1.314.148.300	1.363.265.154
Giá vốn của dịch vụ gia công và dịch vụ khác	301.558.150	1.099.231.264
Cộng	<u>267.376.719.079</u>	<u>158.708.685.151</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.039.098	32.012.988
Lãi tiền cho vay		109.716.666
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.456.761	688.540
Cộng	<u>23.495.859</u>	<u>142.418.194</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.232.833.333	598.166.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	67.772	207.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.842.530	
Cộng	<u>2.235.743.635</u>	<u>598.374.499</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.855.277.125	1.317.075.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	92.041.733	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.983	31.733.163
Các chi phí khác	149.189.835	79.286.544
Cộng	2.098.417.676	1.428.094.767

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.550.217.860	4.240.008.655
Chi phí vật liệu quản lý	440.197.266	205.794.108
Chi phí đồ dùng văn phòng	206.204.360	126.848.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.620.675	1.309.075.386
Thuế, phí và lệ phí	249.396.163	50.634.651
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(381.931.938)	245.189.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.389.225.973	1.149.004.777
Các chi phí khác	1.854.897.586	1.561.223.440
Cộng	13.651.827.945	8.887.779.546

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý phế liệu	40.090.910	
Tiền bồi thường		10.995.000
Thu nhập khác	6.871.138	46.934.060
Cộng	46.962.048	57.929.060

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	63.893.928	-
Chi phí khác	16.834.713	7.287.502
Cộng	80.728.641	7.287.502

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.595.853.661	8.969.445.893
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(644.689.025)	(672.708.442)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	7.951.164.636	8.296.737.451
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.000.000	7.361.025
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	723	1.127

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.872.734.042	127.308.417.059
Chi phí nhân công	37.299.813.430	25.410.524.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.455.832.368	6.187.362.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.705.910.609	8.584.990.948
Chi phí khác	3.743.800.913	4.337.434.227
Cộng	290.078.091.362	171.828.729.095

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Stone Việt Nam bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Stone Việt Nam không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Stone Việt Nam không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và thưởng với tổng số tiền trong năm là 1.987.596.193 VND (cùng kỳ năm trước là 1.405.046.889 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Stone Việt Nam gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM-Hà Nội	Công ty trong tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Stone Việt Nam với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A		
Mua nguyên vật liệu	45.082.267.757	25.092.216.321
Vay ngắn hạn		3.700.000.000
Chi phí lãi vay	2.220.000.000	598.166.666
Cho vay ngắn hạn		11.000.000.000
Tất toán khoản vay		11.000.000.000
Lãi cho vay		109.716.666
Công ty Cổ phần Vicostone		
Mua phôi đá	409.949.790.644	193.301.516.651
Mua vật tư	6.146.486.306	1.356.427.797
Mua tài sản cố định	1.921.634.811	
Bán tài sản cố định		510.191.669
Chi phí tiền nước, dịch vụ môi trường	154.829.115	
Công ty Cổ phần Style Stone		
Mua phôi đá	21.867.938.468	15.680.117.807
Mua vật tư		39.247.580
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3		
Mua vật tư, văn phòng phẩm	746.024.141	355.236.762
Chi phí ăn ca	938.723.732	
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội		
Chi phí thi công xây dựng công trình	1.589.708.831	1.166.952.127
Chi phí dịch vụ tư vấn	63.753.784	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác và việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Stone Việt Nam là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Doanh thu gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh chiếm tỷ trọng 98,19% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Stone Việt Nam được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Stone Việt Nam không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Duyên
Người lập biểu



Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Lưu Công An
Giám đốc